

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH QUẢNG NAM THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG NĂM 2019

Tình hình Dịch tả lợn Châu Phi từ khi xuất hiện vào tháng 5 cho đến nay vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại, ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp. Tình hình sản xuất công nghiệp tăng trưởng vẫn còn chậm, chỉ số sản xuất công nghiệp 11 tháng so với cùng kỳ năm trước tăng 3,4% (tháng 11 tăng 6,5% so với cùng kỳ năm trước); vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tăng 33%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng 12,7%. Kết quả cụ thể của các ngành, lĩnh vực như sau:

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

1.1. Sản xuất nông nghiệp

1.1.1. Trồng trọt

Sản xuất nông nghiệp trong tháng tập trung chủ yếu vào việc tu bổ hệ thống kênh mương thủy lợi, làm đất, vệ sinh đồng ruộng chuẩn bị cho sản xuất vụ Đông Xuân 2019-2020. Kết thúc sản xuất vụ Mùa năm nay, cả tỉnh gieo trồng đạt 68,8 nghìn ha cây hàng năm, bằng 97% (-2,1 nghìn ha) so với cùng vụ năm 2018, trong đó tăng/giảm từng loại tương ứng như sau: cây lương thực có hạt 49,3 nghìn ha (-2%; -1.214 ha); cây chất bột có củ 4,7 nghìn ha (-8%; -397 ha); cây có hạt chứa dầu gần 3 nghìn ha (-20%; -747 ha); cây rau, đậu, hoa và cây cảnh 9 nghìn ha (-1%; -65 ha); cây gia vị, dược liệu 540 ha (+32%; +131 ha);... Nguyên nhân chính diện tích gieo trồng giảm là do nắng nóng kéo dài nên một số diện tích cây trồng (lúa nước trời, ngô, mè, lạc...) ở vùng nước trời, vùng sử dụng nước tưới ở các hồ đập nhỏ bị khô hạn không sản xuất được.

Trong sản xuất lúa, diện tích gieo cấy lúa Mùa năm nay đạt 42.732 ha, giảm 929 ha¹ so với cùng vụ năm trước; năng suất đạt 48,6 tạ/ha, giảm 0,9 tạ/ha²; sản lượng đạt 207,7 nghìn tấn, giảm 8,3 nghìn tấn (-3,8%). Một số huyện có sản lượng thu hoạch giảm mạnh như: Núi Thành (-2.934 tấn); Tiên Phước (- 1.292 tấn); Nông Sơn (-1.216 tấn); Thăng Bình (-1.015 tấn); Hiệp Đức (-970 tấn); Phước Sơn (-932 tấn).

¹ Diện tích đất lúa không sản xuất do ảnh hưởng nắng hạn: Núi Thành 405 ha; Duy Xuyên 106 ha; Điện Bàn 75 ha,... Diện tích chuyển đổi cây trồng và chuyển sang mục đích khác 353 ha.

² Do nắng hạn kéo dài, trong đó diện tích mất trắng ở một số địa phương như: Phước Sơn 352 ha, Tiên Phước 123 ha, Hiệp Đức 119 ha, Đông Giang 64 ha,...

Kết quả sản xuất hoa màu và một số cây hàng năm khác vụ Mùa 2019: sản lượng ngô đạt 30,2 nghìn tấn, giảm 3 nghìn tấn so với cùng vụ năm 2018 (diện tích gieo trồng: -285 ha, năng suất: -2,6 tạ/ha); khoai lang đạt 8,2 nghìn tấn, giảm 2,2 nghìn tấn (diện tích: -292 ha, năng suất: -1,1 tạ/ha); sắn đạt 58 nghìn tấn, tăng 4,5 nghìn tấn (diện tích: -42 ha, năng suất: +18 tạ/ha); lạc đạt 2,2 nghìn tấn, giảm 690 tấn (diện tích: -384 ha, năng suất: -0,4 tạ/ha); sản lượng rau các loại đạt 133,2 nghìn tấn, tăng 310 tấn (diện tích: -74 ha, năng suất: +3,4 tạ/ha); sản lượng đậu các loại đạt 5,7 nghìn tấn, giảm 230 tấn,...

1.1.2. Chăn nuôi

Tình hình chăn nuôi trâu, bò trong tháng nhìn chung ổn định. Đàn trâu có xu hướng giảm nhẹ 0,8% so với cùng thời điểm năm trước do hiệu quả kinh tế không cao và diện tích chăn thả bị thu hẹp; đàn bò tăng 2,7%. Chăn nuôi gia cầm phát triển tốt, không có dịch bệnh lớn xảy ra, thị trường tiêu thụ ổn định, người chăn nuôi yên tâm mở rộng quy mô tổng đàn.

Theo kết quả điều tra Chăn nuôi tại thời điểm 01/10/2019, đàn lợn toàn Tỉnh có trên 302 nghìn con, giảm gần 38% so cùng kỳ năm trước (giảm mạnh nhất là nhóm lợn nái trên 50%, ảnh hưởng lớn đến khả năng tái đàn trong thời gian đến); đàn gia cầm có trên 7,7 triệu con (+12,2%, +840 nghìn con); trong đó đàn gà đạt ngưỡng 6 triệu con (+15,8%, +818 nghìn con); đàn vịt có 764,4 nghìn con (+4%, +29,4 nghìn con); đàn ngan có trên 109,6 nghìn con (+4,4%, +4,6 nghìn con).

Tình hình dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP) chưa có chiều hướng chững lại; tính đến ngày 10/11/2019, tổng số lợn tiêu hủy do bệnh DTLCP là 145,6 nghìn con (trong đó lợn nái và đực giống đang tiêu hủy 47,4 nghìn con; chiếm 69% tổng đàn lợn giống của tỉnh); trọng lượng tiêu hủy trên 8,6 tấn. Hiện số hộ đang còn dịch là 34.278 hộ, 714 thôn, 159 xã/16 huyện, thị xã, thành phố; 44 xã, phường có dịch qua 30 ngày.

1.2. Lâm nghiệp

Hiện nay đang vào mùa mưa nên thuận lợi cho việc trồng rừng, diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 11/2019 ước đạt 3.000 ha, tăng 3,4% (+100 ha) so với cùng kỳ năm trước; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 80 nghìn m³, tăng 11% (+8.000 m³); củi khai thác ước đạt 48 nghìn ste, giảm 4% (-2.000 ste).

Tính chung 11 tháng diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 14.840 ha, tăng 3,2% (+460 ha) so với cùng kỳ năm 2018; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 1.216 nghìn m³, tăng 10,9% (+119,5 nghìn m³); củi ước đạt 457 nghìn ste, giảm 2,3% (-10.800 ste); diện tích rừng bị thiệt hại là 183 ha, gấp 2,5 lần so cùng kỳ, trong đó: diện tích rừng bị chặt, phá là 18,2 ha (-10,2 ha); diện tích rừng bị cháy là 165,2 ha (+113,6 ha).

1.2. Thủy sản

Sản lượng khai thác thủy sản tháng 11 ước đạt 3.800 tấn; cộng dồn 11 tháng đầu năm 2019 đạt 89.160 tấn (+5%; +4.206 tấn) so với cùng kỳ năm 2018, bao gồm: sản lượng cá đạt 63.756 tấn (+4,9%; +3.024 tấn); sản lượng tôm đạt 1.340 tấn (+4,1%; +53 tấn); sản lượng thủy sản khác đạt 24.064 tấn (+4,9%; +1.129 tấn). Đối tượng khai thác chính như: cá đù, cá ngừ, cá nục, cá phù, mực nang, cá thu; ngư trường khai thác chủ yếu ở vùng lộng, vùng bờ.

Tính chung 11 tháng năm 2019, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản đạt trên 8.500 ha (-0,4%; -33 ha) so với cùng kỳ năm 2018, trong đó nuôi cá đạt trên 5.100 ha (+0,5%; +26 ha); nuôi tôm đạt gần 2.700 ha (-2,6%; -71 ha). Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 26.639 tấn (+2,5%; +652 tấn) so với cùng kỳ năm 2018, bao gồm: sản lượng cá đạt trên 9.100 tấn (+3,6%; +320 tấn); sản lượng tôm đạt 16.500 tấn (+1,8%; +295 tấn); sản lượng thủy sản khác đạt trên 1.039 tấn (+3,7%; +37 tấn).

Tổng sản lượng thủy sản năm 2019 ước đạt 119.400 tấn, bằng 104% (+4.900 tấn) so với năm 2018, trong đó: sản lượng khai thác ước đạt 92.064 tấn, chiếm trên 77% trong tổng số (+4,8%; +4.219 tấn); sản lượng nuôi trồng ước đạt 27.336 tấn, chiếm gần 23% (+2,6%; +681 tấn).

Nuôi cá lồng nước ngọt (cá diêu hồng, lăng nha, trắm cỏ,...) có 530 lồng tập trung chủ yếu ở hồ đập thủy lợi và sông nước ngọt (Khe Tân, Sông Tranh II, Sông Kon và trên sông Tam Kỳ). Nuôi cá lồng trên sông nước mặn, lợ (nhóm đối tượng cá hồng, dìa, chêm, mú, bớp,...) có 1.950 lồng tập trung chủ yếu ở Núi Thành.

Toàn tỉnh có 41 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống (02 cơ sở sản xuất giống cá nước ngọt, 39 cơ sở sản xuất tôm sú và ương nuôi giống tôm thẻ). Số lượng tôm sú giống sản xuất trên 110,3 triệu con; tôm thẻ giống sản xuất gần 103 triệu con để cung cấp cho người nuôi trong và ngoài tỉnh.

2. Tài chính, ngân hàng

Tổng thu NSNN trên địa bàn ước thực hiện đến cuối tháng 11 đạt 21.205 tỷ đồng, giảm 2,8% so với cùng kỳ năm trước, gần bằng 92% dự toán năm, trong đó thu nội địa đạt 16.470 tỷ đồng (-4,4%; đạt 88,8% dự toán); thu xuất nhập khẩu 4.735 tỷ đồng (+3,3%; đạt 103% so với dự toán). Trong đó, thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước đạt 605 tỷ đồng, giảm trên 22% so với cùng kỳ năm trước; thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1.758 tỷ đồng (+1,3%); thu từ khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước đạt 9.893 tỷ đồng (-12%); thuế thu nhập cá nhân đạt 833 tỷ đồng (+90,2%); lệ phí trước bạ 454 tỷ đồng (+39,3%); thuế bảo vệ môi trường 567 tỷ đồng (+44,6%); thu tiền sử dụng đất 1.280 tỷ đồng (+25%)...

Tổng chi ngân sách địa phương tính đến cuối tháng 11 ước đạt 14.895 tỷ đồng, đạt 55,4% dự toán năm, tăng 2,3% so với cùng kỳ. Trong đó, chi đầu tư phát triển 5.950 tỷ đồng (52,4%; +5,8%); chi thường xuyên 8.942 tỷ đồng (75,1%; +0,1%).

Hoạt động tín dụng ngân hàng trên địa bàn tỉnh trong tháng 11 tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá, thông qua việc thực hiện tốt công tác huy động vốn, triển khai các chương trình khuyến mãi và lãi suất huy động phù hợp để thu hút người dân gửi tiết kiệm từ nguồn vốn nhàn rỗi. Tổng nguồn vốn huy động ước tính đến cuối tháng 11 đạt trên 55,7 nghìn tỷ đồng, tăng gần 14% so với đầu năm. Dự nợ cho vay ước đến cuối tháng 11 đạt 67,1 nghìn tỷ đồng, tăng 13,5% so với đầu năm; trong đó, tín dụng ngắn hạn tăng gần 18% so với đầu năm, chiếm tỷ trọng 49,6%; tín dụng trung dài hạn (+9%; chiếm 50,4%).

3. Đầu tư và xây dựng

Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng 11/2019 ước đạt 569 tỷ đồng, giảm gần 2% so với tháng trước, tăng trên 77% so cùng kỳ. Trong đó vốn đầu tư thuộc cấp tỉnh quản lý ước đạt 310,2 tỷ đồng (-2,2%; +124%); nguồn vốn đầu tư thuộc cấp huyện quản lý ước thực hiện 236,3 tỷ đồng (-1,3%; +30,3%); nguồn vốn đầu tư thuộc cấp xã quản lý ước thực hiện 22,5 tỷ đồng, giảm 3,2% so với tháng trước.

Tính chung 11 tháng năm 2019, vốn đầu tư thực hiện ước đạt gần 5.842 tỷ đồng, gần bằng 79% kế hoạch năm, tăng 33% so cùng kỳ. Trong đó vốn đầu tư thuộc cấp tỉnh quản lý ước thực hiện 3.135 tỷ đồng (+61,7%); nguồn vốn cấp huyện quản lý 2.482 tỷ đồng (+7,3%); nguồn vốn cấp xã quản lý 224,7 tỷ đồng (+58,9%).

*** *Tình hình một số dự án trên địa bàn Tỉnh:***

- Một số công trình dự án lớn, trọng điểm trên địa bàn Tỉnh tiếp tục đẩy nhanh tiến độ như: phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Hội An; Phát triển hạ tầng sản xuất giống sôm Ngọc Linh (tuyến đường Tắc Pong - Tắc Ngo); Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8); Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường: đường vào trung tâm du lịch phố cổ Hội An; Dự án quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) - Hợp phần nâng cấp cải tạo và bảo trì đường địa phương; Tuyến đường ĐT, ĐH; Tuyến nối từ đường ven biển (129) đến đường Quốc lộ 1A và đến đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án quan trọng trong danh mục dự án đầu tư chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII: (1) Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 40B; (2) Đường đến Cửa khẩu Tây Giang (giai đoạn 2); (3) Cải thiện môi trường đô thị Chu Lai, Núi Thành; (4) Hoàn thiện tuyến đường ven biển 129; (5) Nạo vét, thoát lũ khẩn cấp và chống xâm nhập mặn sông Cổ Cò, thành phố Hội An; (6) Trường THPT Trần Đại Nghĩa; (7) Trường THPT Nguyễn Duy Hiệu- Điện Bàn; (8) Trường THPT Nguyễn Huệ; (9) Bệnh viện đa khu vực tỉnh Quảng Nam; (10) Nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương, thành phố Tam Kỳ; (11) Hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường khu đô thị Núi Thành; (12) Hồ chứa nước Lộc Đại huyện Quế Sơn; (13) Cảng cá Tam Quang; (14) Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh; (15) Đường điện 110KV lên Nam Trà My.

*** Tình hình giải ngân nguồn vốn NSNN:**

Theo số liệu Kho bạc, tính đến 31/10/2019 các dự án thuộc nguồn vốn do địa phương quản lý đã giải ngân đạt gần 44% kế hoạch. Cụ thể:

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương (bao gồm cả vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết) giải ngân đạt 52,7% kế hoạch. Trong đó: Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương tỉnh quản lý giải ngân đạt 44,2%; cấp huyện quản lý giải ngân đạt 51,5%; cấp xã quản lý giải ngân đạt 85%.

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương giải ngân đạt 33,8%. Trong đó: Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu quốc gia giải ngân đạt 52,6% kế hoạch (chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 63,2%, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 43,4%); Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu giải ngân đạt 64,8% kế hoạch; Vốn trái phiếu chính phủ đã giải ngân 96,5%; Vốn nước ngoài giải ngân chỉ đạt 12,1%; vốn bổ sung ngoài kế hoạch được giao giải ngân 51%.

4. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP) tháng 11/2019 ước tính tăng 6,7% so tháng trước và tăng 6,5% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể tăng/giảm từng ngành tương ứng: ngành khai khoáng (-2,3%; -1,1%); ngành chế biến, chế tạo (+4,9%; +4,1%); ngành sản xuất và phân phối điện (+34,6%; +55,7%); cung cấp nước và xử lý rác thải (+1,5%; -17,9%).

Cộng dồn 11 tháng năm 2019, IIP toàn ngành công nghiệp tăng 3,4% so cùng kỳ năm trước, trong đó tăng ở ba nhóm ngành: công nghiệp khai khoáng (+33,7%); ngành cung cấp nước và xử lý rác thải (+20,3%); công nghiệp chế biến - chế tạo (+3,9%). Ngành sản xuất và phân phối điện có xu hướng tăng trở lại nhưng vẫn còn giảm 10,7% so với cùng kỳ; nguyên nhân do lưu lượng nước các hồ giảm ảnh hưởng đến sản xuất của các công trình thủy điện, thiếu nguồn nguyên liệu và chi phí vận chuyển cao cũng gây khó khăn cho hoạt động sản xuất của đơn vị.

Một số ngành công nghiệp có IIP tăng cao như: khai thác than cứng và than non (+13,1%); sản xuất đồ uống (+15,4%); dệt (+32,1%), sản xuất trang phục (+19,8%); chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (+15,1%); khai thác, xử lý và cung cấp nước (+9,2%); hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải (+25,7%). Bên cạnh đó một số ngành sản xuất giảm: sản xuất da và các sản phẩm liên quan (-2,3%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (-2,9%); sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (-7,5%)...

Một số sản phẩm có IIP tháng 11 tăng khá so với tháng trước: phi lê cá và các loại thịt cá khác tươi, ướp lạnh (+3,8%); Thủy hải sản ướp đông khác (+4,3); Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài (+3,3%); Giày, dép thể thao có mũ bằng da và có đế ngoài (+5,8%); Xe du lịch KIA/MAZDA (+3,2%)...

Chỉ số sử dụng lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp cộng dồn đến cuối tháng 11/2019 ước tính tăng 3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 6,8% và khu vực doanh nghiệp Nhà nước tăng 3,1%, trong khi đó khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng không đáng kể. Cũng tại thời điểm trên, chỉ số sử dụng lao động trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng (-3,4%); ngành chế biến, chế tạo (+3%); ngành sản xuất và phân phối điện (+7,9%); ngành cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải (+6,6%).

5. Thương mại, dịch vụ

5.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11 ước đạt trên 4,6 nghìn tỷ đồng, tăng 1,5% so với tháng trước và tăng 13,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt trên 3,3 nghìn tỷ đồng, tăng gần 2% so với tháng trước và tăng 18,2% so với cùng kỳ; khách sạn, nhà hàng đạt 984 tỷ đồng (+1,4%; +3%); du lịch lữ hành đạt 43 tỷ đồng (-12,8%; +1,6%); dịch vụ khác đạt 255 tỷ đồng (+0,4%; +1,9%).

Tính chung 11 tháng 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 49,6 nghìn tỷ đồng, tăng 12,7% so với cùng kỳ năm 2018. Chia theo loại hình kinh tế: kinh tế Nhà nước đạt 451 tỷ đồng, chiếm 0,9% tổng mức và giảm 14,7% so với cùng kỳ; Kinh tế ngoài Nhà nước đạt trên 48 nghìn tỷ đồng (chiếm trên 97%; +13,3%); Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 987 tỷ đồng (chiếm 2%; -1%). Xét theo ngành hoạt động: doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 35,7 nghìn tỷ đồng, chiếm gần 72% tổng mức và tăng 15% so với cùng kỳ năm trước; khách sạn, nhà hàng đạt 10,4 nghìn tỷ đồng (chiếm 21%; +7,1%); du lịch lữ hành đạt 582 tỷ đồng (chiếm 1,2%; +7,4%); dịch vụ khác đạt trên 2,9 nghìn tỷ đồng (chiếm 6%; +6%).

Doanh thu bán lẻ hàng hóa 11 tháng năm 2019 tăng khá cao (tăng trên 15%). Một số ngành hàng có doanh thu tăng cao so với cùng kỳ: vật phẩm văn hóa, giáo dục (+82%); hàng may mặc (+23,6%); phương tiện đi lại (trừ ô tô, phụ tùng: +20%); lương thực, thực phẩm (+13,2%); kim loại quý (+12,8%); ô tô các loại (+12,2%)...

5.2. Hoạt động Du lịch

Hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong tháng 11/2019 có phần chững lại do ảnh hưởng thời tiết, mặt khác tháng này không phải mùa của những lễ hội đặc sắc nên lượng du khách đến tham quan, vui chơi giảm, kết quả hoạt động kinh doanh du lịch trong tháng giảm so với tháng trước.

Theo kết quả điều tra, tổng lượt khách lưu trú do các cơ sở lưu trú phục vụ tháng 11/2019 dự tính đạt gần 248 nghìn lượt khách, giảm 3,2% so tháng trước, so cùng kỳ giảm gần 7%; trong đó giảm chủ yếu từ khách lưu trú trong nước (-12,1%; -3,8%); khách du lịch quốc tế (+4,1%; +11,6%). Tổng lượt khách

tham quan do các đơn vị lữ hành phục vụ đạt gần 256 nghìn lượt, giảm 9,4% so tháng trước, so tháng 11/2018 tăng 10,6%; trong đó khách quốc tế đạt gần 132 nghìn lượt (-7,6%; +5,8%); khách trong nước đạt gần 124 nghìn lượt (-11,2%; +16,2%).

Tính chung 11 tháng năm 2019, tổng lượt khách lưu trú do các cơ sở lưu trú phục vụ ước đạt 3.283 nghìn lượt khách (+2,7%), trong đó khách du lịch quốc tế đạt 1.561 nghìn lượt (+12,6%); khách trong nước ước đạt hơn 1.700 nghìn lượt (-4,9%). Tổng lượt khách tham quan do các đơn vị lữ hành phục vụ ước đạt hơn 3.000 nghìn lượt (+13,4%), trong đó khách quốc tế ước đạt 1.740 nghìn lượt (+5,8%); khách trong nước ước đạt trên 1.300 nghìn lượt (+24,5%).

Doanh thu dịch vụ lưu trú tháng 11/2019 đạt hơn 243 tỷ đồng, giảm 0,6% so tháng trước, so cùng kỳ tăng 2,6%; doanh thu từ dịch vụ ăn uống đạt gần 741 tỷ đồng (+2%; +3,1%), doanh thu dịch vụ ăn uống tăng do nguyên liệu đầu vào phục vụ chế biến tăng mạnh, nhất là nguyên liệu thực phẩm³; doanh thu du lịch lữ hành đạt gần 43 tỷ đồng (-12,8%; +1,6%). Tính chung 11 tháng năm 2019, doanh thu đạt được từ dịch vụ du lịch tăng khá, doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 2.725 tỷ đồng (+7,3%); doanh thu từ dịch vụ ăn uống ước đạt 7.682 tỷ đồng (+7%); doanh thu từ du lịch lữ hành 582 tỷ đồng (+7,4%).

5.3. Hoạt động dịch vụ

Hoạt động dịch vụ trong tháng 11/2019 tăng nhẹ so tháng trước (+0,4%) và tăng chủ yếu từ dịch vụ y tế do thời tiết. Theo kết quả điều tra, doanh thu dịch vụ tháng 11/2019 đạt 255 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ dịch vụ y tế đạt 57 tỷ đồng (+7,5%); dịch vụ kinh doanh bất động sản đạt 54 tỷ đồng (+6,9%). Bên cạnh đó, một số dịch vụ giảm mạnh do không đúng mùa kinh doanh, nhất là dịch vụ nghệ thuật, vui chơi, giải trí giảm 9,7% (tương ứng giảm 4 tỷ đồng); dịch vụ sửa chữa đồ dùng gia đình (-2,4%); dịch vụ chăm sóc cá nhân và cộng đồng (-4,2%).

Dự tính 11 tháng đầu năm 2019, doanh thu dịch vụ ước đạt 2.955 tỷ đồng, tăng gần 6% so với cùng kỳ và tăng cao từ các nhóm dịch vụ liên quan tới chăm sóc sức khỏe và đời sống tinh thần của người tiêu dùng như: dịch vụ y tế (+9,6%); dịch vụ hành chính và hỗ trợ (+9,3%); dịch vụ nghệ thuật, vui chơi, giải trí (+6,3%).

5.4. Hoạt động vận tải, kho bãi

Tổng doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 11/2019 ước đạt 337 tỷ đồng, tăng hơn 5% so cùng kỳ năm 2018. Tính chung 11 tháng năm 2019, doanh thu này đạt 3.869 tỷ đồng, tăng 12,3% so cùng kỳ năm 2018; trong đó, doanh thu vận tải hành khách ước đạt 744 tỷ đồng (+14,8%), doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 2.527 tỷ đồng (+11,9%), doanh thu hoạt động kho bãi và hỗ trợ vận tải ước đạt 599 tỷ đồng (+10,6%).

³ Chỉ số giá nhóm thực phẩm tháng 10/2019 tăng 0,75%, tháng 11/2019 dự kiến tăng khoảng 2%.

- Vận tải hành khách: số lượt hành khách vận chuyển trong tháng ước đạt 1,65 triệu lượt khách, tăng 0,7% so cùng kỳ năm 2018 và 128,3 triệu lượt khách.km (+11,4%). Tính chung 11 tháng, vận tải hành khách ước đạt 19,6 triệu lượt khách, tăng gần 12% so với cùng kỳ năm trước và 1.456,5 triệu lượt khách.km (+19,2%). Chi tiết theo ngành đường, vận tải hành khách đường bộ ước đạt hơn 15,7 triệu lượt khách (+10,9%) và 1.446 triệu lượt khách.km (+19,2%); đường thủy ước đạt 3,9 triệu lượt khách (+16,4%) và 10 triệu lượt khách.km (+11%).

- Vận tải hàng hóa: khối lượng hàng hóa vận chuyển trong tháng ước đạt 1,4 triệu tấn giảm 4,5% so với cùng kỳ năm 2018 và 145,5 triệu tấn.km (-2,7%). Tính chung 11 tháng, vận tải hàng hóa ước đạt 16,8 triệu tấn (+8,1%) và 1.702 triệu tấn.km (+10,7%), trong đó vận tải đường bộ đạt 16,5 triệu tấn (+8%) và 1.625 triệu tấn.km (+11%), vận tải đường thủy đạt 0,3 triệu tấn (+9,2%) và 77 triệu tấn.km (+4,2%).

6. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

CPI trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong tháng 11/2019 tăng 0,8% so với tháng trước (trong đó khu vực thành thị tăng 0,76%; khu vực nông thôn tăng 0,82%); so với cùng kỳ năm trước CPI tăng 3,86% và tăng 4,15% so với tháng 12 năm trước; CPI bình quân 11 tháng đầu năm 2019 so với bình quân cùng kỳ tăng 2,6%.

Các nguyên nhân chính làm tăng CPI trong tháng: (1) Do ảnh hưởng của DTLCP khiến nguồn cung thịt lợn giảm, giá thịt lợn tăng gần 18% so với tháng trước, góp phần làm CPI chung tăng 0,7%. Giá thịt lợn tăng cao, người tiêu dùng chuyển sang sử dụng các loại thực phẩm khác thay thế kéo theo giá các mặt hàng này tăng; (2) Nhu cầu mua sắm các loại mặt hàng may mặc mùa thu đông tăng, thêm vào đó, nhu cầu dịch vụ may mặc phục vụ Tết cũng đã bắt đầu tăng khiến giá nhiều loại hàng hóa và dịch vụ may mặc tăng nhẹ; (3) Giá nhiều loại thiết bị và đồ dùng gia đình như máy giặt, máy nước nóng tăng do nhu cầu tiêu dùng tăng cao trong mùa mưa.

So với tháng trước, trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính có 5 nhóm tăng giá: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+2,17%); Đồ uống và thuốc lá (+0,09%); May mặc, mũ nón, giày dép (+0,32%); Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,03%); Văn hóa, giải trí và du lịch (+0,01%). Có 03 nhóm giảm giá: Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (-0,11%); Giao thông (-0,82%); Hàng hoá và dịch vụ khác (-0,02%). Riêng 3 nhóm: Bưu chính viễn thông; Thuốc và dịch vụ y tế; Giáo dục trong tháng ổn định.

Chỉ số giá vàng tháng 11/2019 giảm 0,4% so với tháng trước do ảnh hưởng chung của giá vàng thế giới giảm; so với tháng 12 năm trước chỉ số này tăng 18,23% và bình quân cùng kỳ tăng 7,62%. Đồng đô la Mỹ trong tháng 11/2019 tăng 0,01% so với tháng trước; so với tháng 12 năm trước giảm 0,4%; bình quân cùng kỳ tăng 1,2%. Tính bình quân giá 1 đô la Mỹ trong tháng quy đổi được 23.264 đồng Việt Nam.

7. Các vấn đề xã hội

7.1. Giáo dục

Năm học 2019-2020 (tính đến thời điểm cuối tháng 10/2019), toàn tỉnh có 800 trường, trong đó: Mầm non 279 trường, 3.425 nhóm, lớp; Tiểu học 248 trường, 4.610 lớp; THCS 216 trường, 2.437 lớp; THPT 57 trường, 1.301 lớp. Tổng số học sinh các cấp 349.091 học sinh, bao gồm: trẻ mầm non 81.619 trẻ; tiểu học 129.241 học sinh; THCS 88.959 học sinh; THPT 49.272 học sinh. Riêng hệ thống các trường tại 9 huyện miền núi có 266 trường, trong đó: 84 trường mầm non (9.697 học sinh DTTS); 76 trường tiểu học (16.990 học sinh DTTS); 84 trường THCS (11.108 học sinh DTTS); 14 trường THPT (3.775 học sinh DTTS) và 08 trường PTDTNT.

Toàn tỉnh có 54 trường PTDTBT (24 trường tiểu học; 6 trường tiểu học và THCS; 24 trường THCS) với 15.138 học sinh. Ngoài ra, còn có 23 trường phổ thông có học sinh bán trú với 1.429 học sinh bán trú.

Toàn ngành hiện có: 27.234 cán bộ, giáo viên, nhân viên (tính cả hợp đồng), trong đó: 1.848 cán bộ quản lý, 21.158 giáo viên và 4.228 nhân viên. Giáo viên trên chuẩn đạt 81,8%, trong đó: Mầm non 5.945/6.131 (chiếm tỷ lệ 97%); tiểu học 6.326/6.748 (93,7%); THCS 4.800/5.579 (86%); THPT 240/2.700 (9%).

7.2. Văn hóa, thể dục, thể thao

*** Hoạt động văn hóa:**

Ngày 12/11/2019, tại Trung tâm Văn hóa tỉnh diễn ra Liên hoan bolero “Giai điệu quê hương” lần thứ II năm 2019. Tham dự sự kiện này có gần 120 thí sinh đến từ các huyện, thành phố tham dự vòng loại, trong đó có 40 thí sinh từ 10 đơn vị là trung tâm văn hóa thể thao - truyền thanh truyền hình. Dự kiến liên hoan sẽ kéo dài đến ngày 3/12/2019.

Ngày 16/11/2019, trên địa bàn tỉnh khai mạc sự kiện “Những ngày văn hóa Hàn Quốc tại Quảng Nam năm 2019”. Trước đó, cùng ngày tại Vườn tượng An Hội và phố cổ Hội An cũng diễn ra các hoạt động văn hóa, giải trí hấp dẫn mang đậm bản sắc của Xứ sở Kim Chi như: trưng bày, trải nghiệm văn hóa Hàn Quốc; biểu diễn nghệ thuật dân gian; trình diễn trang phục truyền thống; trò chơi may mắn trúng thưởng... Đây là năm thứ 3 diễn ra sự kiện “Những ngày văn hóa Hàn Quốc tại Quảng Nam”. Qua đó góp phần nâng tầm mối quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam - Hàn Quốc nói chung và thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam nói riêng. Đặc biệt, khẳng định vị thế của Hội An như là nơi giao lưu, gắn kết các nền văn hóa trên thế giới và hội nhập quốc tế sâu rộng.

*** Hoạt động thể dục, thể thao:**

Trong những ngày cuối tháng 10/2019, tại Nhà thi đấu Thể dục-Thể thao tỉnh đã khởi tranh giải Bóng bàn vô địch các nhóm tuổi tỉnh năm 2019. Có hơn 150

tay vợt đến từ 7 huyện, thị xã, thành phố và 8 ngành tham gia tranh tài ở các nội dung đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam - nữ. Trong đó, khối huyện, thị xã, thành phố có 4 nhóm tuổi, gồm dưới 11, 12 - 15, 16 - 30 và trên 31 tuổi. Đây là dịp để các vận động viên trên địa bàn tỉnh có cơ hội tham gia thi đấu cọ xát, nâng cao trình độ; đồng thời góp phần phát triển phong trào bóng bàn ở các địa phương. Kết quả thi đấu: Giải Nhất toàn đoàn thuộc về đoàn vận động viên thành phố Tam Kỳ; Giải nhì toàn đoàn thuộc về thành phố Hội An. Ở khối ngành, 5 HCV chia đều cho các đơn vị Cục Hải quan, Ngân hàng Chính sách xã hội, Công an tỉnh, Sở Tài nguyên - Môi trường, Cục Thuế tỉnh.

Trong vòng giải V-League, đội bóng Quảng Nam đã thi đấu 26 trận, trong đó thắng 8 trận, đạt 34 điểm và xếp vị thứ 9/14 trong bảng xếp hạng.

7.3. Công tác y tế, phòng chống dịch bệnh

**** Công tác phòng chống dịch bệnh:***

Trong tháng toàn tỉnh đã phát hiện 3.465 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết Dengue; 112 trường hợp mắc bệnh tay, chân, miệng; 85 trường hợp bệnh lao phổi; 80 trường hợp mắc bệnh thủy đậu; 01 trường hợp viêm gan virút B; 739 trường hợp mắc bệnh tiêu chảy; 48 trường hợp mắc bệnh quai bị...

Tính từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh phát hiện 7.344 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết Dengue; 912 trường hợp mắc bệnh tay, chân, miệng; 737 trường hợp bệnh lao phổi; 887 trường hợp mắc bệnh thủy đậu; 37 trường hợp viêm gan virút B; 7.423 trường hợp mắc bệnh tiêu chảy; 643 trường hợp mắc bệnh quai bị.

**** Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm:***

Nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý và mùa Lễ hội Xuân 2020 phục vụ nhân dân đón Tết, vui Xuân an toàn, bảo đảm sức khỏe, đồng thời đảm bảo phát triển và cạnh tranh lành mạnh giữa các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu thực phẩm và thực hiện chỉ đạo của Bộ Y tế, UBND tỉnh ban hành Công văn số 6800/UBND-KGVX ngày 13/11/2019 yêu cầu các Sở, Ban ngành, đoàn thể tổ chức chiến dịch truyền thông về bảo đảm an toàn thực phẩm cho nhà quản lý, người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng về sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo pháp luật, đảm bảo an toàn thực phẩm tại nơi diễn ra lễ hội; quản lý thực phẩm theo đặc thù địa phương; kịp thời công khai các trường hợp vi phạm quy định an toàn thực phẩm, phổ biến rộng rãi các cơ sở, cá nhân, các địa chỉ sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn cho cộng đồng.

Tổ chức các đoàn liên ngành kiểm tra, thanh tra, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các vi phạm về an toàn thực phẩm, hạn chế ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

7.4. An toàn giao thông

Theo số liệu của Phòng Cảnh sát Giao thông Quảng Nam, trong tháng 11/2019 (từ ngày 16/10 - 15/11), trên địa bàn tỉnh xảy ra 23 vụ tai nạn giao thông

đường bộ, làm chết 15 người, bị thương 16 người. Tai nạn giao thông đường sắt và đường thủy không xảy ra. So với tháng trước số vụ tai nạn giao thông đường bộ tăng 9 vụ, số người chết tăng 7 người, số người bị thương tăng 7 người. Như vậy, tính đến 15/11/2019 (từ ngày 16/12/2018 - 15/11/2019) trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 211 vụ tai nạn giao thông (đường bộ: 206 vụ, đường sắt: 5 vụ), làm chết 162 người (đường bộ: 158 người, đường sắt: 04 người), bị thương 119 người (đường bộ: 118 người, đường sắt: 01 người); so với cùng kỳ năm trước tai nạn giao thông giảm cả 3 tiêu chí với số vụ tai nạn giao thông giảm 3 vụ, giảm 5 người chết và giảm 19 người bị thương.

7.5. Tình hình xử lý môi trường, cháy nổ, thiên tai

Theo số liệu Phòng Cảnh sát Môi trường tỉnh Quảng Nam, trong tháng 11 phát hiện và xử lý 2 trường hợp vi phạm luật về bảo vệ môi trường, đã lập biên bản xử phạt hành chính với tổng số tiền xử phạt 38,5 triệu đồng. Như vậy tính từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh đã phát hiện 87 trường hợp vi phạm, lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính 86 trường hợp với tổng số tiền xử phạt gần 2,4 tỷ đồng.

Theo số liệu Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy tỉnh Quảng Nam, trong tháng 11 xảy ra 01 vụ cháy ở thị xã Điện Bàn, ước giá trị thiệt hại 120 triệu đồng; không có vụ nổ nào xảy ra. Tính từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh đã xử lý 20 vụ cháy, làm 01 người chết, không có người bị thương, ước tổng mức thiệt hại trên 10,5 tỷ đồng.

Trong tháng xảy ra 01 đợt mưa lớn do ảnh hưởng của cơn bão số 5 từ ngày 30/10 đến ngày 3/11 đã gây ra một số thiệt hại sau: 03 người bị thương; 72 nhà bị tốc mái hư hỏng; 06 nhà bị sạt lở đất vào nhà trên địa bàn huyện Nam Trà My; 38 ha lúa bị ngã đổ, hư hỏng; 550 m đường bị sạt lở, bồi lấp; 11.542 m³ đất bị sạt lở trên các tuyến quốc lộ, 118.172 m³ trên các tuyến đường giao thông địa phương; 29 cống bị hư hỏng. Ước tính tổng thiệt hại khoảng 16 tỷ đồng.

Nhìn chung, tình hình kinh tế xã hội trên địa bàn Tỉnh tháng 11 và 11 tháng đầu năm 2019 đạt được một số kết quả nhất định. Các hoạt động văn hóa, thể thao diễn ra sôi nổi, an sinh xã hội được đảm bảo, an ninh - quốc phòng được tăng cường. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi gặp không ít khó khăn, thách thức với thời tiết diễn biến phức tạp, dịch tả lợn Châu Phi chưa được khống chế; tình hình sản xuất công nghiệp tăng trưởng vẫn còn chậm, tiến độ giải ngân vốn đầu tư chưa đạt yêu cầu; tình trạng nợ đọng thuế vẫn còn xảy ra./.

Nơi nhận:

- Vụ Tổng hợp - TCTK (b/c);
- VPTU, VP UBND, Đoàn ĐBQH,
Sở KH&ĐT, NHNN, STC;
- TTTL&DVTK;
- Lãnh đạo Cục (3b);
- Lưu VT, TH (2).

CỤC TRƯỞNG

(đã ký)

Lê Quý Đạt